



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 93422

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HOANG VAN QUANG
Last Middle First

Current Address 011/L.8 Cua Thanh Da / P.27 - Q. Binh Thanh Ho Chi Minh
city

Date of Birth 1957 Place of Birth Quang-Tr

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant & ARVN
(Rank & Position) 5/77 - 10/78 to escape from re-education camps

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 08/1982 To 03/1988

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>Nguyen Vi Hoa</u>	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Manh - Thi - Thanh	1952	wife
Huong - Nguyen - Vu	1974	son
Huong - Nguyen - Phong	1975	son
Huong - Thi - Tu Anh	1977	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

16. ADDITIONAL INFORMATION :

TP/Hà Chí Minh, ngày 18 tháng 10-1989

Kính gửi: MỤC SƯ LƯU CÔNG THUAN

đang làm việc tại Hải thành Việt-nam
Hải ngoại Box 58, Saitland MD 20746
tại Hoa Kỳ

Kính thưa Mục sư,

Chúng tôi nguyện Cầu Đức Chúa
Trời ban cho Ông phúc cho quý Mục-sư
được tốt đẹp và sẽ tôn thờ Ngài thật trọn vẹn
Chúa

Chúng tôi hạnh phúc xin báo tin Mục-sư đã
Chung sống và được sống bình an từ ngày
1907-1989. Ông được gọi Ông ROBERT L. THURSETH

Thư trưởng, được gọi là Mục-sư tại trại
Điền, tại Khu vực 2, Quận B, tháng 2, có
tên là: HỒNG-VĂN QUẢNG, sinh ngày:

05-8-1937, thường trú tại: M.T. xã Xá Thanh
Khai, 27, Phố Thanh, TP/Hà Chí Minh, có
8 năm học tập, cải tạo, tại trại Hải-Thành
và Hải ngoại Saitland MD 20746 ở Hoa Kỳ
bảo lãnh lương bổng và tiền lương tại trại cải
tạo Hoa Kỳ, và Hải-Thành này đang tại trại chúng
tôi xin chào mừng Ông và gia đình đến với cấp
"Lời".

Sau khi trên đây chúng tôi đang được
đưa gia đình chúng tôi đến nhà toàn bộ Ông
sẽ gặp được tại nhà của Mục-sư.

Chúng tôi đến gọi đến Cơ quan O.D.P.
American Embassy Box 58 APO SAN FRANCISCO
CA 96346 U.S.A hãy gửi giấy tờ (tờ có số
IV: 43.422) theo thư báo làm số 373

And that is the end of the world

and early next day.

Đất là mẹ, Cánh là thành K'nh Cờ
K'nh Cờ Chàng B'ng Chàng B'ng

$\therefore \text{C.V.} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^N x_i^2 - \left(\frac{\sum_{i=1}^N x_i}{N} \right)^2$

Thursday 17th

7-14-44

John Tracy
Quincy

HOANG-VĂN-QUANG

FROM: HOANG VAN QUANG
011 Lô T. cũ xa' Thanh dat, F. 27,
Q/ Bình Hoa, H. PAR AVION MINH
VIET NAM



PAR AVION VIA AIR MAIL

TO: REV LY CONG THUAN
EXTERNAL AFFAIRS COMMITTEE
OVERSEAS VIETNAMESE CHURCH
CONFERENCE P.O. Box 550 SUITLAND
MD. 20.746 (301) 577
U.S.A

IV-93422

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban

hành theo công văn số

2345 ngày 27 tháng 11

năm 1972

Trại Tân Hiệp

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 4 HS

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 20/CĐ-PC.11 ngày 11 tháng 02 năm 1972

của GIAM SỞ CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HOÀNG VĂN QUẢNG

Sinh năm 1937

Các tên gọi khác

Nơi sinh Quảng Trị

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

211 Lô J cư xá Thành B. - P. 27 - Bình Thạnh

Can tội Tham gia tổ chức phản cách mạng

Bị bắt ngày 03/08/1972

Án phạt TICT

Theo quyết định, án văn số 1460 ngày 04 tháng 05 năm 1972 của

UBND TP. HỒ CHÍ MINH

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 211 Lô J cư xá Thành B. - P. 27 - Bình Thạnh

Nhận xét quá trình cải tạo

- Năm 1964 cùng một số đồng phạm không chịu cải tạo

đòi đi sách lược trả tự do.

- Năm 1975 đến nay không vi phạm tội mới

- Nay tha về tái quốc.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lên tay ngón trỏ phải

của Hoàng Văn Quảng

Danh bìa số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 17 tháng 03 năm 1972

Trưởng trại

Chữ họ, tên, cấp bậc, chức vụ

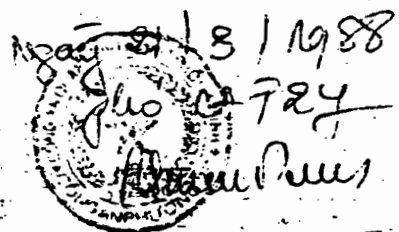


Hoàng Văn Quảng



Vac nhận:

Hàng bán hàng, năm 1988
Tỉnh dân tại TP. Hồ Chí Minh
19/5/88.



Đoàn Thị Tâm Tâm

MINISTRY OF INTERIOR
TAN HIEP CAMP

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE-LIBERTY-HAPPINESS
=====

CAMP RELEASE CERTIFICATE

By Circular No. 966 BCA/TT dated 5-31-1961 of
the Ministry of Interior;

By Decision No. 20/00-PC.11 dated 2-11-1988
of the Ministry of Interior;

This Release Certificate is issued to :

Name : HOANG VAN QUANG
Born in 1937
In Quang Tri
Address before C11 Lot J, Thanh Da Apartment Complex
arrest P.27, Binh Thanh.
Crime : Participating in Anti-revolutionary
Organization.
Date of arrest 8-3-1982
Penalty To be reeducated in Camp
By Decision No. 1460 dated 5-4-1984 of the People's
Council of Ho Chi Minh City
Releasee will reside at C11 Lot J, Thanh Da Apartment
Complex, P.27, Binh Thanh.

Results of Reeducation

In 1984, together with other internees, he refused to be
reeducated and they all appealed for release.
Since 1985, he has not committed any new crimes.
He is now being released and will return to his home.

Releasee has to report to Ward's and Village's People's Councils.

Imprints of right hand	signature of	3-17-1988
forefinger of HOANG VAN QUANG	releasee.	Supervisor,
	signed	illegible

Hoang Van Quang

(signature & seal)

This is to certify that Mr. Hoang Van Quang
has reported himself on 3-19-1988
3-21-1988
Deputy Chief of Security of Ward 27
Doan Thi Tam Nam

CERTIFIED TRUE TRANSLATION FROM A COPY IN VIETNAMESE
BY THU NGUYET LE TRAN, TRANSLATOR

Thu Nguyet Le Tran

Subscribed and sworn to before me in my
presence, this 7th day of May
1988, a Notary Public in and for the
Parish of Orleans, State of Louisiana.

Thuy Thauhle

(signature)

Notary Public

My commission is for life.

TRANSLATION

REPUBLIC OF VIETNAM
JUDICIAL SERVICE OF HUE
Case # 74
Date: 13.4.57

RECONCILIATIONtribunal of Hai-lang

A court decision in lieu of birth
document for:

Hoang-van-Quang, Hoang-thi-Hue,
Hoang-thi-Na, Hoang-thi-Dien, Hoang-
van-Sanh

In the year of 1957

On the 13th day of April, BEFOREME Tran-Khanh, Chief of district
concurrently being Reconciliation Judge of Hai-lang, with Do-Ty,
clerk of court

CAME AND APPEARED Hoang-Thao, 49, of Dien-sanh village, Hai-lang
district, Quang-tri province, Id card #T41.0081.A836 issued by
Hai-lang district on 10/3/55, who declared that he could not
apply for the duplicates of birth certificates for his children
because that the originals were missing and the main records of
the place of birth were destroyed because of war. He requested
that the court issue a document of birth certificate based on the
statement of the following witnesses:

- 1) Nguyen-van-Luc, 39, of Dien-sanh village, Hai-lang district,
Quang-tri province, Id card #T41.0081.18B.A0858 issued by Hai-lang
district on 10/13/55
- 2) Nguyen-van-Hia, 28, of Dien-sanh village, Hai-lang district,
Quang-tri province, Id card #T41.0081.29B.0879 issued by Hai-lang
district, Quang tri province on 10/13/55
- 3) Nguyen-Cau, 28, of Kim-long village, Hai-lang district, Quang-
tri province, Id card #T41.0081.29A.0609 issued by Hai-lang district
Quang-tri province on 9/28/55

These three witnesses, after reading the above items and article
337 penal code of Trung-Viet providing the punishment on false
testimony of civil matters, and after being sworn according to law
depose and declare that they personally knew that:

-Hoang-van-Quang, male, Vietnamese, was born on 5 August 1937 at Hoi-
an village, Hai-lang district, Quang-tri province to Mr. Hoang-Thao,
49, and Mrs. Nguyen-thi-Hong, 43, who is the principal wife.

-Hoang-van-Sanh, male, Vietnamese, was born on 20 October 1953 at Hoi-
an village, Hai-lang district, Quang-tri province, to Mr. Hoang-Thao,
49, and Mrs. Nguyen-thi-Hong 43, who is the principal wife.

The applicant is presently unable to obtain the duplicates of birth
certificate for his children due to the reasons above mentioned.

Therefore this court, based on this facts and the articles 47 48 of
Trung-Viet Civil law, establishes this document to substitute for
birth certificate for his 5 children who are: Hoang-van-Quang, Hoang-
thi-Hue, Hoang-thi-Na, Hoang-thi-Dien, Hoang-van-Sanh. This document
is to be issue to applicant Hoang-Thao, as applied for.

Made at Hai-lang on the above-written date and read to applicants and
witnesses who signed their names with me and with clerk of court.

Clerk of court: Do-Ty

Presiding judge: Tran-Khanh

Witnesses: Nguyen-van-Luc,
Nguyen-van-Hai and Nguyen-Cau

Applicants: Hoang-Thao, father
Nguyen-thi-Hong, mother

Recorded at Hue on 4/23/57, book 9, folio 50 number: 2285

Head of recordage signed and stamped

CERTIFIED TRUE COPY FROM ORIGINAL

11/4/58 Stamped and signed: NGO-VAN-DUC

at ward 27, Binh Thanh district

SWORN TO AND SUBSCRIBED BEFORE

ME THIS 4 DAY OF March 1957

J. HUNTER BIENVENU
NOTARY PUBLIC

CERTIFIED A TRUE AND CORRECT TRANSLATION
FROM THE DOCUMENT IN VIETNAMESE LANGUAGE
KIEN VAN NGUYEN, TRANSLATOR

Kien Van Nguyen

IV: 93422

VIỆT-NAM CONG-HÒA

TU - PHÁP Huế

Việc thọ lý số 74

Ngày 13.4.1957

Tòa Hoà-giải Hải-lăng

BIÊN BẢN THỂ VI K H A I - S I N H

:Hoàng-văn-Quảng, Hoàng-thị-Huế,

Của: Hoàng-thị-Na, Hoàng-thị-Diên,
Hoàng-văn-Sanh,

Năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy

Ngày mười ba

Tháng tư

Trước mặt chúng tôi là Trần-Khánh Quận-trưởng kiêm Tham-phán

Tòa Hoà-giải Hải-lăng

có O.

Đỗ-Tỷ

Lục-sự ngồi giúp việc.

có (Tên tuổi và quán-chỉ nguyên đơn) Hoàng-Thảo, 49 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.08D.A836 do Quận Hải-lăng cấp ngày 3.10.1955.

đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của các con y

được vì lẽ bản-chính bị thất lạc và sổ Hộ-tịch nơi chánh-quán bị tiêu huy bỏ mất do chiến-tranh.

nên yêu cầu Bản tòa bằng vào lời khai của nhân chứng có tên tuổi quán-chỉ do y triệu gọi đến để lập cho y biên-bản thay thế chứng thư họ-quen nói trên,

Liên do có đến trình diện :

1) Nguyễn-văn-Lục, 39 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.18B.A.0858 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 13.10.1955.

2) Nguyễn-văn-Hia, 28 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.29B.0879 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 13.10.1955.

3) Nguyễn-Cầu, 28 tuổi, trú tại làng Kim-long, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.29A.0609 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 28.9.1955.

Ba nhân chứng trên đây sau khi nghe đọc các khoản nói trên, và các điều 337 hình luật Trung-Việt pháp, tội nguy chứng việc Hộ, đã tuyên thệ và chứng thật có biết rằng

-Hoàng-văn-Quảng, con trai, quốc-tịch Việt-nam, đã sinh ngày Mồng năm, tháng tam, năm một ngàn chín trăm ba mươi bảy (05-8-1937) tại làng Hội-an, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị con Ông Hoàng-Thảo 49 tuổi và bà Nguyễn-thị-Hồng 43 tuổi vợ chánh thất.

-Hoàng-văn-Sanh, con trai, quốc-tịch Việt-nam, đã sinh ngày Hai mươi, tháng mười, năm một ngàn chín trăm năm mươi ba (20-10-1953) tại làng Hội-an, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, con Ông Hoàng-Thảo 49 tuổi và bà Nguyễn-thị-Hồng 43

vợ chánh thất.

Hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy khai sinh của các con y nói trên được vì những lý-do đã nêu trên.

Chiếu giấy

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và điều 48 Trung-Việt-Hộ-luật lập biên bản đề thế vị Khai-sinh của 5 con y Hoàng-văn-Quang, Hoàng-thị-Huế, Hoàng-thị-Na, Hoàng-thị-Diên, Hoàng-văn-Sanh, cấp cho Ông Hoàng-Thảo.

theo như đơn xin đã đệ tại Bản Tòa ngày 3.4.1957

Làm tại Tòa Hòa-giải Hải-lăng ngày, tháng, năm như trên, sau khi đọc lại đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với Ông Chánh tôi và Ông Lục-sự.

Lục-Sự

Chánh-án

Đã ký: Đỗ-Tỷ

Đã ký: Trần-Khánh

Nhân chứng ký tên

Đương sự ký tên

Nguyễn-văn-Lạc, Nguyễn-van-Hai, Cha: Hoàng-Thảo
Nguyễn-Cần, Mẹ: Nguyễn-thị-Hồng

Trích sao y chánh bản : Ngày 23 tháng 4 năm 19 57

Hải-lăng, ngày 6 tháng 6 năm 1963. Quyền 9 tờ 50 số 2285
Quận-trưởng kiểm Thẩm-phán, Thầu: Sáu mươi đồng,

CHỦ-SỰ

CHUNG NIAN GIONG Y BAN CHANH



Ngô Văn Đức



IV: 93422

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tòa. Hoà-giải Hải-lăng

58 TƯ - PHÁP Huế

Việc tho lý số 74

Ngày 13.4.1957

BIÊN BẢN THỂ VI KHAI-SINH

:Hoàng-văn-Quảng, Hoàng-thị-Huế,

Của: Hoàng-thị-Na, Hoàng-thị-Diên,
Hoàng-văn-Sanh,

Năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy

Ngày mười ba Tháng tư

Trước mặt chúng tôi là Trần-Khánh Quận-trưởng kiêm Thẩm-phán

Tòa Hoà-giải Hải-lăng

có O.

Đỗ-Tỷ

Lục-sự ngồi giúp việc.

có (Tên tuổi và quân-chỉ nguyên đơn) Hoàng-Thảo 49 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.08D.A836 do Quận Hải-lăng cấp ngày 3.10.1955.

đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của các con y

được vì lẽ bản chính bị thất lạc và sổ Hộ-tịch nơi chánh-quan bị tiêu hủy do chiến-tranh.

nên yêu cầu Bản Tòa bứng vào lời khai của nhân chứng có tên tuổi quân-chỉ do y triệu gọi đến để lập cho y biên-bản thay thế chứng thư uy-ước nói trên.

Liên đồ có đến trình diện:

1) Nguyễn-văn-Lục, 39 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.18B.A.0858 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 13.10.1955.

2) Nguyễn-văn-Hia, 28 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.29B.0879 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 13.10.1955.

3) Nguyễn-Cầu, 28 tuổi, trú tại làng Kim-long, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.29A.0609 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 28.9.1955.

Ba nhân chứng trên này sau khi nghe đọc các khoản nói trên, và các điều 337 hình luật Trung-Việt phạt tội ngụy chứng việc Hộ, đã tuyên thệ và chứng thật có biết rằng

-Hoàng-văn-Quảng, con trai, quốc-tịch Việt-nam, đã sinh ngày Mồng năm, tháng tam, năm một ngàn chín trăm ba mươi bảy (05-8-1937) tại làng Hội-an, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, con ông Hoàng-Thảo 49 tuổi và bà Nguyễn-thị-Hồng 43 tuổi vợ chánh thất.

-Hoàng-văn-Sanh, con trai, quốc-tịch Việt-nam, đã sinh ngày Hai mươi, tháng mười, năm một ngàn chín trăm năm mươi ba (20-10-1953) tại làng Hội-an, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-

trị, con ông Hoàng-Thảo 49 tuổi và bà Nguyễn-thị-Hồng 43

vợ chánh thất.

Hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy khai sinh của các con y nói trên được vì những lý-do đã nêu trên.

Chiếu giấy.

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và điều 48 Trung-Việt Hộ-luật lập biên bản để thế vị Khai-sinh của 5 con y Hoàng-văn-Quang, Hoàng-thị-Huế, Hoàng-thị-Na, Hoàng-thị-Diên, Hoàng-văn-Sanh, cấp cho Ông Hoàng-Thảo.

theo như đơn xin đã đệ tại Bản Tòa ngày 3.4.1957

Lam tại Tòa Hoà-giải Hải-lăng ngày, tháng, năm như trên, sau khi đọc lại đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với chúng tôi và Ông Lục-sự.

Lục-Sự

Chánh-án

Đã ký: Đỗ-Ty

Đã ký: Trần-Khánh

Nhân chứng ký tên

Đương sự ký tên

Nguyễn-văn-Lạc, Nguyễn-văn-Hai, Cha : Hoàng-Thảo
Nguyễn-Cần, Me : Nguyễn-thị-Hồng

Trích sao y chánh bản : Ngày 23 tháng 4 năm 19 57

Hải-lăng, ngày 6 tháng 6 năm 1963. Quyển 9 tờ 50 số 2285

Quản-trưởng kiêm Thẩm-phán, Thầu : Sáu mươi đồng,

CHỈ-SU
(ký tên không rõ và đóng dấu)

CHUNG NIÊN CÔNG Y BÀN CHÁNH



Ngo Văn Đức



IV: 93422

VIỆT-NAM CONG-HÒA

Tòa Hoà-giải Hải-lăng

Số TƯ - PHÁP Huế

Việc tho lý số 74

Ngày 13.4.1957

BIÊN BẢN THỂ VI K H A I - S I N H

: Hoàng-văn-Quảng, Hoàng-thị-Huế,

Cư: Hoàng-thị-Na, Hoàng-thị-Diên,
Hoàng-văn-Sanh,

Năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy

Ngày mười ba

Tháng tư

Trước mặt chúng tôi là Trần-Khánh Quận-trưởng kiêm Thẩm-phán

Tòa Hoà-giải Hải-lăng

có O.

Đỗ-Tỷ

Lục-sự ngồi giúp việc.

có (Tên tuổi và quán-chỉ nguyên đơn) Hoàng-Thảo, 49 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.08D.A836 do Quận Hải-lăng cấp ngày 3.10.1955.

đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của con y

được vì lẽ bản chính bị thất lạc và số Hộ-tịch nơi chánh-quán bị tiêu hủy bởi chiến-tranh.

nên yêu cầu Bản Tòa băng vào lời khai của nhân chứng có tên tuổi quán-chỉ do y triệu gọi đến để lập cho y biên-bản thay thế chứng thư uy-đơn nói trên.

Liên đó có đến trình diện :

1) Nguyễn-văn-Luo, 39 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.18B.A.0858 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 13.10.1955.

2) Nguyễn-văn-Hia, 28 tuổi, trú tại làng Diên-sanh, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.29B.0879 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 13.10.1955.

3) Nguyễn-Cầu, 28 tuổi, trú tại làng Kim-leng, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, thẻ kiểm tra số T41.008I.29A.0609 do Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị cấp ngày 28.9.1955.

Ba nhân chứng trên đây sau khi nghe đọc các khoản nói trên, và các điều 337 hình luật Trung-Việt phạt tội nguy chứng việc Hộ, đã tuyên thệ và chứng thật có biết rằng

-Hoàng-văn-Quảng, con trai, quốc-tịch Việt-nam, đã sinh ngay Mồng năm, tháng tam, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bảy (05-8-1937) tại làng Hội-an, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị con Ông Hoàng-Thảo 49 tuổi và bà Nguyễn-thị-Hồng 43 tuổi vợ chánh thất.

-Hoàng-văn-Sanh, con trai, quốc-tịch Việt-nam, đã sinh ngày Hai mươi, tháng mười, năm một ngàn chín trăm năm mươi ba (20-10-1953) tại làng Hội-an, Quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-

trị, con Ông Hoàng-Thảo 49 tuổi và bà Nguyễn-thị-Hồng 43

vợ chánh thất.

Hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy khai sinh của các con y nói trên được vì những lý do đã nêu trên.

Chiếu giấy.

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và điều 48 Trung-Việt Hộ-luật lập biên bản đề thể vi: Khai-sinh của 5 con y Hoàng-văn-Quang, Hoàng-thị-Huế, Hoàng-thị-Na, Hoàng-thị-Diên, Hoàng-văn-Sanh, cấp cho Ông Hoàng-Thảo.

theo như đơn xin đã đệ tại Bản Tòa ngày 3.4.1957.

Làm tại Tòa Hòa-giải Hải-lăng ngày, tháng, năm như trên, sau khi đọc lại đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với chúng tôi và Ông Lục-sự.

Lục-Sự

Chánh-án

Đã ký: Đỗ-Tỷ

Đã ký: Trần-Khánh

Nhân chứng ký tên

Đương sự ký tên

Nguyễn-văn-Lạc, Nguyễn-văn-Hai, Cha: Hoàng-Thảo
Nguyễn-Cần, Mẹ: Nguyễn-thị-Hồng

Trích sao y chính bản : Ngày 23 tháng 4 năm 19 57

Hải-lăng, ngày 6 tháng 6 năm 1963. Quyền 9 từ 50, số 2285

Quận-trưởng kiêm Thẩm-phán, Thầu: Sáu mươi đồng,

CHỦ SỰ (ký tên không rõ và đóng dấu)

CHUNG NIÊN GIỐNG Y BAN CHÁNH



Ngô Văn Đức



A TRUE COPY

NOTARY PUBLIC

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s): - Mr. Withfield cố vấn trưởng USAID Quảng Trị
Họ tên cố-vấn Mỹ : Mr. BROWN cố vấn

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam

: Khóa huấn luyện tại Vũng Tàu về chỉ huy trưởng
xây dựng nông thôn từ: 1 August 1973 to 1 September 1973

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen: Chiến thưởng bội tinh Ngày nhận: June, 1965

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đồng sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

HOANG VAN QUANG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

1 May 1977

To:

Tới:

now

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Vẫn còn học tập cải tạo

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

x Trung úy trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa số quân 57/208543

x Năm 1964 là bị thủ đảng ủy Đảng Đại Việt (nhánh Hà Thủộ Kị)

ở Hòa Quảng Trị Việt Nam

x Năm 1973 là Tiểu đoàn trưởng Bình Định Nông Thôn Tỉnh Quảng Trị

x Ngày 1 May 1977 bị bắt đi cải tạo, 31 October 1977 vượt trại tham gia Mặt Trận Tự

(phản cách mạng) nên bị bắt cải tạo lại 3 August 1982 đến nay -

Signature

Ký tên :

Tata anh

Date

Ngày:

07 November, 1985

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 5 bản sao khai sinh của toàn gia đình

- 1 bản sao giấy hôn thú

- 1 bản sao căn cước pre-1975 của Hoàng Văn Quang

- 1 bản sao CMND post-1975 của Mạnh Thị Thanh

- 1 bản sao Hồ khẩu.

ODP-B - 5 tấm hình của toàn gia đình.

- 3 bản sao giấy bị bắt

* những giấy tờ ở mục (7) (9) (10) đã bị tiêu hủy, thất lạc và bị thu khi bị bắt -lời phản cách mạng.

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : HOANG VAN QUANG

Position title
Chức-vụ : Trưởng phòng Dinh Cũ Tị nạn Công Sản tại Tòa hành chánh
Quảng Trị

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ 20 June 1964 Đến 31 December 1967

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: MA WITHEIJS and MA BROWN

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HOANG VAN QUANG

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 20 June 1964 Đến 30 April 1975

3. Last Rank / Cấp-bậc cuối-cùng : Trung úy Serial Number: Số thẻ nhân-viên: 57/208 54

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Bộ quốc phòng Bộ chỉ huy Tiểu khu Quảng Trị
Đình chuông Bộ Binh

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Đại tá Nguyễn Âm Tỉnh Trưởng Quảng Trị

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : HOANG VAN QUANG

Position title
Chức-vụ : Trưởng phòng Định Cú Tị nạn Công Sản tại Tòa hành chánh
Quảng Trị

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ 20 June 1964 Đến 31 December 1967

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: MR. WITHEIELS and MR. BROWN.

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or R/NAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HOANG VAN QUANG

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 20 June 1964 Đến 30 April 1975

3. Last Rank / Cấp-bậc cuối-cùng : Trung úy Serial Number: Số thẻ nhân-viên: 57/208 543

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chúng : Bộ quốc phòng Bộ chỉ huy Tiền khu Quảng Trị
Định chủng Bộ Binh

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Đại tá Nguyễn Âm Tỉnh Trưởng Quảng Trị

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s): - Mr. Withfield có văn trưởng USAID Quảng Trị
Họ tên cố-vấn Mỹ : Ms. BROWN cố-vấn

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam

: Khóa huấn-luyện tại Vũng Tàu về chỉ-huy trưởng
xây dựng nông thôn từ: 1 August 1973 to 1 September 1973

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen: Chiến thưởng bội tinh Ngày nhận: June, 1965

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.
Đừng sợ có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: Đến:

4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : HOANG VAN QUANG

2. Time in Reeducation: From To:
Thời gian học-tập Từ: 1 May 1977 Đến: nay

3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Vẫn còn học tập cải tạo Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

x Trung úy trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa số quân 57/208543
x Năm 1964 là bị thủ đấng ủy Đảng Đại Việt (nhánh Hà Thúc Ký)
ở tỉnh Quảng Trị Việt Nam
x Năm 1973 là Tiểu đoàn trưởng Bình Định Nông Thôn tỉnh Quảng Trị
x Ngày 1 May 1977 bị bắt đi cải tạo, 31 October 1978 viết trại tham gia Mặt Trận Tự
(phản cách mạng) nên bị bắt cải tạo lại 3 August 1982 đến nay -

Signature

Ký tên : TĐA anh

Date

Ngày: 07 November, 1985

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 5 bản sao khai sanh của toàn gia đình
- 1 bản sao giấy hôn thú
- 1 bản sao căn cước pre-1975 của Hoàng Văn Quang
- 1 bản sao CMND post-1975 của Mạnh Thị Thanh
- 1 bản sao Hồ khẩu.
- ODP-B - 5 tấm hình của toàn gia đình.

- 3 bản sao giấy bị bắt
* những giấy tờ ở mục (7) (9)
(10) đã bị tiêu hủy, thất lạc
và tịch thu khi bị bắt -lợi
phản cách mạng.

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên :

Nguyễn Văn Hòa

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

anh họ

c. Address
Địa-chỉ :

644 Commerce St

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ :

GREYNA LA 70056 VSA.

18, October 1978

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên :

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

c. Address
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha :

HOANG THAO

living

2. Mother
Mẹ :

NGUYỄN THỊ HỒNG

Dead

3. Spouse
Vợ/Chồng :

MANH THỊ THANH

living

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1)

HOANG NGUYEN VU

living

(2)

HOANG NGUYEN PHONG

living

(3)

HOANG THỊ TÚ ANH

living

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

Hoang Thi Hue

living

(2)

Hoang Thi Na

living

(3)

Hoang Thi Dien

living

(4)

Hoang Van Sanh

living

(5)

Hoang Van Hai

living

(6)

(7)

(8)

(9)

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # 93422

Date:

Ngày: November, 7, 1985

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : HOANG VAN QUANG Sex: Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 05 August 1937 Quảng Trị Việt Nam
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : *Đang ở trại cải tạo Kí Động Hòa Sông Bé Việt Nam TPC 24
*gia đình ở 0115 J Củ Xá Thanh An p-27 Q. Bình Thạnh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : * 644 Commerce St GREINA LA 70056
* hoặc : 0115 J Củ Xá Thanh An p-27 Bình Thạnh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Học tập cải tạo

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1. Mạnh Thị Thanh	12, July 1953	Đã Nẵng Việt Nam	Female	M	Vợ
2. Hoàng Nguyễn Văn	10, September, 1974	Saigon	Male	S	Con
3. Hoàng Nguyễn Phong	09, September, 1975	Saigon	Male	S	Con
4. Hoàng Thị Tú An	01, January 1977	Saigon	Female	S	Con
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # 93422

Date: _____
Ngày: November, 7, 1985

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : HOANG VAN QUANG Sex: Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 05 August 1937 Quảng Trị, Việt Nam
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : * Đang ở trại cải tạo K. Đồng Hòa Sông Bé Việt Nam TPC 24
* gia đình ở 0115 J Củ Xá Thanh Đa p-27 Q. Bình Thạnh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : * 644 Commerce St GREINA LA 70056
* hoặc : 0115 J Củ Xá Thanh Đa p-27 Bình Thạnh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Học tập cải tạo

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Mạnh Thị Thanh</u>	<u>12, July 1952</u>	<u>Đã Nẵng Việt Nam</u>	<u>Female</u>	<u>M</u>	<u>vợ</u>
2. <u>Hương Nguyễn Văn</u>	<u>10, September, 1974</u>	<u>Saigon</u>	<u>Male</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
3. <u>Hương Nguyễn Phụng</u>	<u>09, September, 1975</u>	<u>Saigon</u>	<u>Male</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
4. <u>Hương Thị Tú Anh</u>	<u>01, January 1977</u>	<u>Saigon</u>	<u>Female</u>	<u>S</u>	<u>Con</u>
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

Nguyễn Văn Hoa

anh họ

644 Commerce st
GREYNA LA 70056 USA.

18 October 1978

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : HOANG THAO living

2. Mother
Mẹ : NGUYEN THI HONG Dead

3. Spouse
Vợ/Chồng : MANH THI THANH living

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái:

(1)	HOANG NGUYEN VU	living
(2)	HOANG NGUYEN PHONG	living
(3)	HOANG THI TU ANH	living
(4)		
(5)		
(6)		
(7)		
(8)		
(9)		

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	Hoang Thi Hue	living
(2)	Hoang Thi Na	living
(3)	Hoang Thi Dien	living
(4)	Hoang Van Sanh	living
(5)	Hoang Van Hai	living
(6)		
(7)		
(8)		
(9)		

IV: 93422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 0202 29277

Họ tên: **MANH THI THANH**

Sinh ngày: 12-7-1952

Nơi (bường) trú: **QL. L. J. Cư Xá -
Thanh Đa, TP. Hồ Chí Minh.**

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CÁN CƯỚC

Số: 0

Họ Tên: **HỒNG-VĂN-QUANG**

Ngày, nơi sinh: 5-8-1937

Hội: **Hội - 1017, Quảng-trị**

Hồng-Thảo

Nguyễn-thị-Hồng

Địa chỉ: **27/L, Quảng-Trung, Q-trị**

IV: 93422

Hoang Văn Quang
DOB: 05 August 1937 IV: 93422

(1) 5 bản sao khân ảnh của gia đình

(2) 1 bản sao giấy biên thu

(3) 1 bản sao căn cước trước 1975
của Hoàng Văn Quang

note: Bị học tập - từ sau 75 nên không có
chứng minh nhân dân sau 1975

(4) 1 bản sao chứng minh nhân dân của
Manh Thi Thanh. (tạm CMND sau 75
thì chính phủ Việt Nam thu hồi căn cước trước
75)

ID: 93422

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh, Thị-Xã Quảng-trị

Quận Đông-hà

Xã, Phường Đông-hà

Cấp hiệu 45

Trích - Lục

Chứng-Thư hôn-Thú

Lập ngày I tháng 2 năm 19 72

Tên họ chồng	HOÀNG-VĂN-QUANG
Ngày và nơi sinh	05-8-1937, Quảng-trị
Tên họ chú chồng	Hoàng-Thảo (Sống chết)
Tên họ mẹ chồng	Nguyễn-thị-Hồng (Sống chết)
Tên họ vợ	MANH-THỊ-THANH
Ngày và nơi sinh	12-7-1952, Đà-nẵng
Tên họ cha vợ	Mạnh-văn-Tĩnh (Sống chết)
Tên họ mẹ vợ	Ngô-thị-Hòa (Sống chết)
Ngày lập hôn thú	1-2-1972 (Sống một, tháng hai năm tính đến chết. Nếu sống nữa năm)
Có lập hôn khế không	/

Trích lục y bản chánh

Số 615 / VPUB

Đông-hà, ngày I tháng 2 năm 19 72

CHỦNG NHẬN CÔNG Y BẢN CHÁNH

Xuất trình tại Đông-hà ngày 27

Ngày 04 tháng 11 năm 1981

UBND PHƯỜNG Đông-hà BÌNH THẠNH

Văn-chức Hộ-tịch

Trần-dĩnh-lang

KHAI-SINH

IV: 93422

Tên họ (tên thật)	MẠNH-VĂN-TÍNH
Phái	Nam
Sinh	Hai mươi hai tháng bảy năm một ngàn chín trăm năm
Ngày, tháng, năm)	mười hai (12-7-1952)
Tại	Hải-châu, Đà-nẵng
Cha	Mạnh-văn-Tính
(Tên họ)	
Tuổi	31
Nghề	Thợ máy
Cư trú tại	Hải-châu, Đà-nẵng
Mẹ	Ngô-thị-Hòa
(Tên họ)	
Tuổi	28
Nghề	Nội-trợ
Cư trú tại	Hải-châu, Đà-nẵng
Vợ	Chánh
(Chánh hay thợ)	
Người khai	Mạnh-văn-Tính
(Tên họ)	
Tuổi	31
Nghề	Thợ máy
Cư trú tại	Hải-châu, Đà-nẵng
Ngày khai	Hai mươi hai tháng bảy năm một ngàn chín
	trăm năm mười hai (22-7-1952)
Người chứng thứ nhất	Lê-thị-Hạnh
(Tên họ)	
Tuổi	29
Nghề	Nữ-hộ-sinh
Cư trú tại	Hải-châu, Đà-nẵng
Người chứng thứ nhì	Trần-đỉnh-Kính
(Tên họ)	
Tuổi	52
Nghề	Làm cai Gông
Cư trú tại	Hải-châu, Đà-nẵng

TRAM-CHIEN SACH-LINH 55197/51/NV

NGAY 12-7-1952 LAI TU THUC TINH PHU-VAN

ANH-THUC CHUYEN DOA CHU TICH UYNG

Làm tại

Đà-nẵng

ngày

22

tháng

7

năm

19

52

Người khai.

Họ lại.

Nhân chứng,

Mạnh-văn-Tính

PHUNG-TRICH-LU

4AI CHAU ngày 07 tháng 07 năm 1952

PHUONG-TDIUONG



TON THAT THAM



EMBASSY OF THE
UNITED STATES OF AMERICA

Bangkok, Thailand

Date: July 17, 1985

Hoang Van Quang

011 Lo J. Cu Xa Thanh Da

P. 27, Q. Binh Thanh

T.P. Ho Chi Minh

Request for Documents

Dear: Hoang Van Quang DOB: 05 August 1937 IV: 93422

We need the following documents to complete your file. Please send us clear, legible copies of the documents checked below. Do not send originals; do not send us documents we have not checked.

BE SURE TO MARK ALL PAPERS WITH THE FILE NUMBER (IV NUMBER) WRITTEN ABOVE.

- ☒ (1) One copy of the original birth certificate (giay khai sinh) of yourself and of each family member to accompany you, or of:

(Total: _____ copies)

- ☒ (2) One copy of the original of your marriage certificate (giay hon thu).

(Note: A cohabitation certificate (chung chi song chung) is not acceptable. Also, if you or any other family member was previously married, we need evidence that the previous marriage was lawfully ended: one copy of the death certificate (giay chung tu) of the former spouse(s), or one copy of the divorce decree (giay ly di).

- ☒ (3) Copies of pre-1975 government identity (ID) cards (the can cuoc) of yourself and of all family members who were issued such ID cards.

- ☒ (4) Copies of post-1975 government identity (ID) cards (giay chung minh nhan dan) of yourself and of all family members who have been issued such ID cards.

- ☒ (5) One copy of the original of your household census book (ho khau).

NOTE: (1-5) Birth and marriage certificates and other documents are available from the local authorities. Please go to the authorities who keep the original records and request official copies. We have received enough documents to indicate nearly all pre-1975 civil registries have been preserved.

- ✓ (6) One original, individual photograph of yourself and of each family member. Write the name and file (IV) number of each person on the back of his/her photo. (Total: _____ photos).
- ✓ (7) Copies of papers which show that you or other family members worked for the US government or for a private US company.
- ✓ (8) Copies of papers which show that you or other family members studied or were trained in the US, or in another country under US sponsorship.
- ✓ (9) Copies of papers which show that you or other family members worked closely with US officials or US programs while working for the Vietnamese government or serving in the Vietnamese military.
- ✓ (10) Copies of certificates or awards received from the US government.
- _____ (11) Copies of papers which show your position, rank, or function in the Vietnamese civil service or military.

Note: The papers requested in items 7 to 11 can be personnel actions, payroll slips, certificates, awards, ID cards, travel orders, passports, letters of commendation, or similar documents. Also send the names of American supervisors or advisors, or copies of any letters you have received from them.

- ✓ (12) One copy of the reeducation release certificate (giay ra trai) of Huân Văn Quang (of the both times in camp if he is now released)
- ✓ (13) Other: Please have Huân Văn Quang complete the attached
"Questionnaire for ODP Applicants" form and return it
to us
- _____
- _____
- _____
- _____
- _____
- _____
- _____

PLEASE KEEP US INFORMED OF ANY ADDRESS CHANGES.

Until we receive these documents, we cannot take any further action on your case.

Sincerely,

67.

Orderly Departure Program
 131 Soi Tien Siang
 Sathorn Tai Road
 Bangkok 10120, Thailand

TRANSLATION

NUMBER: 419

BIRTH CERTIFICATE

Full name of the child MANH-THI-THANH ✓
Sex FEMALE ✓
Date of birth 12 JULY 1952 ✓
Place of birth HAI-CHAU, DA-NANG

Father's full name MANH-VAN-TINH ✓
His age 31
His occupation TAILOR
His residence HAI-CHAU, DA-NANG

Mother's full name NGO-THI-HOA ✓
Her age 28
Her occupation HOUSEWIFE
Her residence HAI-CHAU, DA-NANG
Her marriage rank PRINCIPAL

Declarant's full name MANH-VAN-TINH
Age 31
Occupation TAILOR
Residence HAI-CHAU, DA-NANG
Date registered 22 JULY 1952

Frist witness' full name LE-THI-HANH
Age 29
Occupation NURSE
Residence HAI-CHAU, DA-NANG

Second witness' full name TRAN-DINH-KINH
Age 52
Occupation "GENIE" FOREMAN
Residence HAI-CHAU, DA-NANG

Made at DA-NANG ON 22 JULY 1952

Declarant signed
Manh-van-Tinh

Registrar signed

Witnesses signed

Le-thi-Hanh
Tran-dinh-Kinh

DUPLICATE FROM
ORIGINAL DATED

07 NOVEMBER 1971, STAMPED
AND SIGNED BY CHIEF OF WARD
OF HAI-CHAU: TON THAT THAM

SWORN TO AND SUBSCRIBED BEFORE
ME THIS 25 DAY OF Feb 1974


J. HUNTER BIENVENU
NOTARY PUBLIC

CERTIFIED A TRUE AND CORRECT TRANSLATION
FROM THE DOCUMENT IN VIETNAMESE LANGUAGE
KIEN VAN NGUYEN, TRANSLATOR



Thành Phố HỒ CHÍ MINH
Quận THANH BÌNH

1 / 1 --) AN BAO GIÁT KHAI SINH
--00000--

Năm 1975
Số 862

Họ, tên	HOANG NGUYEN PHONG
Gái hay trai	Trai
Ngày, tháng, năm sinh	Chín tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm - (09/09/1975)
Nơi sinh	Qua Địch.
Họ tên Quốc tịch người cha.	Hoàng Văn Quang, Việt Nam
Họ tên Quốc tịch người mẹ	Phạm Thị Thanh, Việt Nam
Chỗ ở của cha mẹ	Quê ở xã Thanh Bình, huyện Mỹ Đức
Hôn thú của cha mẹ	///
Họ, tên người khai	Phạm Thị Thanh

CHỈ DẪN :

Làm tại ngày tháng năm 1976



Nguyễn Nông

HO CHI MINH CITY

DISTRICT THANH MYTAY

YEAR: 1975

No. 862

B I R T H C E R T I F I C A T E

Name of child	HOANG NGUYEN PHONG
Sex	Male
Date of birth	September Nineth Nineteen Seventy-Five
Place of birth	Gia Dinh
Father and Nationality	Hoang Van Quang, Vietnam
Mother and Nationality	Manh Thi Thanh, Vietnam
Address	011 Lot J, Subdivision Thanh Da Thanh My Tay
Marriage License	111
Notified by	Manh Thi Thanh

Note:

Register at THANH MY TAY 1-21-1976

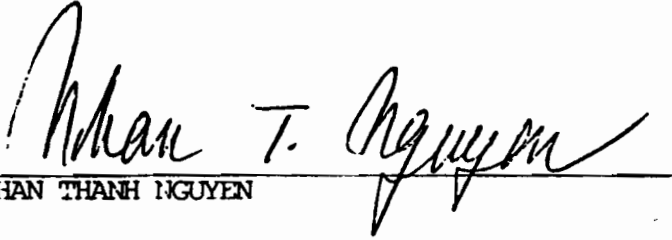
Certified copy 4-23-1976

Civil Records Officer

(signature & seal)

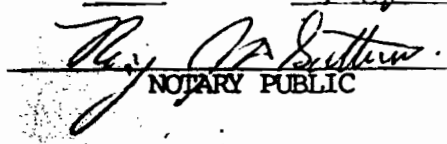
Nguyen Nong

CERTIFIED TRUE TRANSLATION FROM A COPY IN VIETNAMESE BY NHAN THANH NGUYEN,
TRANSLATOR


NHAN THANH NGUYEN

SWORN TO AND SUBSCRIBED BEFORE ME

THIS 17 DAY OF Feb, 1986.


NOTARY PUBLIC

CHỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN GÒ-VẤP

QUAN CHÁNH-QUYỀN
PHÁT-TRIỂN BÌNH-HÒA

KIỂM - SOÁT
Đã-Ty Viên

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Số hiệu 6109

Lập ngày 17 tháng 9 năm 1974

Tên họ đứa trẻ	HOÀNG - NGUYỄN - VŨ
Con trai hay con gái	Nam
Ngày sanh	Ngày mười, tháng chín, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn,
Nơi sanh	T.T.T.T.Y. Khoa Xã Bình-hòa
Tên họ người cha	Hoàng-văn-Quang
Tên họ người mẹ	Mạnh-thị-Thành
Vợ	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai	Đinh-văn-Phụng

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Hôm nay 21 tháng 10 năm 1974

Xã-Tướng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

VŨ-THÀNH

REPUBLIC OF VIETNAM

GIA-DINH PROVINCE
GO-VAP DISTRICT

OFFICE OF BINH HOA
DEVELOPED VILLAGE

No. 6109

IV 93422

CONTROLLED
TYPIST
(signature)

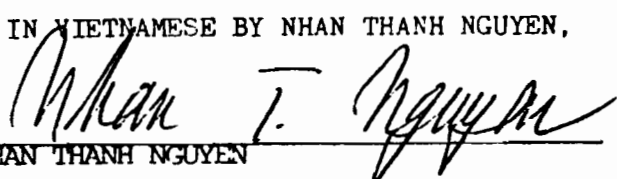
ABSTRACT FROM BIRTH CERTIFICATE RECORDS

Register on 9-17-1974

Name of child	HOANG NGUYEN-VU
Sex	Male
Date of birth	September Tenth Nineteen Seventy-Four
Place of birth	Binh Hoa Village Medical Center
Father	HOANG-VAN-QUANG
Mother	MANH THI THANH
Wife Pank	Principal wife
Notified by	Dinh Van Phung

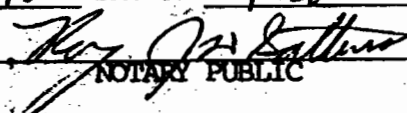
Certified copy
Binh Hoa, 10-21-1974
Mayor also Civil Records Officer,
Vu Thanh (signature & seal)

CERTIFIED TRUE TRANSLATION FROM A COPY IN VIETNAMESE BY NHAN THANH NGUYEN,
TRANSLATOR


NHAN THANH NGUYEN

SWORN TO AND SUBSCRIBED BEFORE ME

THIS 10 DAY OF Feb, 1986.


NOTARY PUBLIC

REPUBLIC OF VIETNAM

ABSTRACT FROM MARRIAGE LICENSE RECORDS

PROVINCE, CITY: QUANG TRI

Register on 2-01-1972

DISTRICT DONG HA

VILLAGE DONG HA

No. 45

Name of Husband	HOANG VAN QUANG
Date of birth	8-05-1937
Place of birth	Quang Tri
Husband's Father	Hoang Thao (living)
Husband's Mother	Nguyen Thi Hong (living)
Name of wife	MANH THI THANH
Date of birth	7-12-1952
Place of birth	Da Nang
Wife's Father	Manh Van Tinh (living)
Wife's Mother	Ngo Thi Hoa (deceased)
Date of Registration	2-01-1972
Marriage Contract	1

No. 315/VPUB
 Certified original copy
 11-04-1985
 (signature & seal)

Certified copy
 Dong Ha, 2-01-1972
 Civil Records Officer,
 Tran-dinh-Lang
 (signature & seal)

CERTIFIED TRUE TRANSLATION FROM AN ORIGINAL IN VIETNAMESE BY NHAN THANH NGUYEN,
 TRANSLATOR


 NHAN THANH NGUYEN

SWORN TO AND SUBSCRIBED BEFORE ME

THIS 10 DAY OF Feb, 1986.


 NOTARY PUBLIC

VIỆT-NAM CONG-HÒA

Tỉnh, Thị-Xã Quảng-trị
Quận Đông-hà
Xã, Phường Đông-hà
Khu 45

Trích - Lục

Chứng-Thư hôn-Thú

Lập ngày I tháng 2 năm 1972

Tên họ chồng	: HOÀNG-VĂN-QUANG
Ngày và nơi sinh	: 05-8-1937 , Quảng-trị
Tên họ cha chồng	: Hoàng-Thao (Sống chết)
Tên họ mẹ chồng	: Nguyễn-thị-Hồng (Sống chết)
Tên họ vợ	: MẠNH-THỊ-THANH
Ngày và nơi sinh	: 12-7-1952 , Đà-nẵng
Tên họ cha vợ	: Mạnh-văn-Tính (Sống chết)
Tên họ mẹ vợ	: Ngô-thị-Hòa (Sống chết)
Ngày lập hôn thú	: 1-2-1972 (Sống một, tháng hai năm
	:)
Có lập hôn lễ không :	/

Trích lục y bản chính

Số 615 / VPUB

Đông-hà , ngày I tháng 2 năm 1972

CHỨNG NHÂN CÔNG Y BẢN CHÍNH

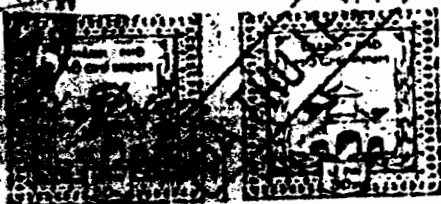
Kiểm trình tại UBND Phường Đông-hà

Ngày 04 tháng 22 năm 1972

UBND PHƯỜNG ĐÔNG-HÀ BÌNH THẠNH

Viên-chức Hộ-tịch

Trần-Giảng-Lang



HO CHI MINH CITY

No.86

COMMITTEE OF PEOPLE

YEAR:1977

DISTRICT

VILLAGE: BINH THANH

B I R T H C E R T I F I C A T E

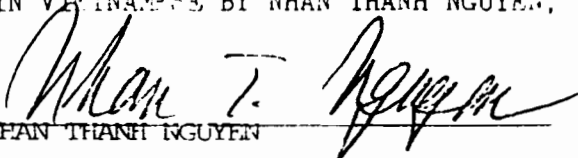
Register on 1-01-1977

IV 93422

Name of child	HOANG THI TUANH
Sex	Female
Date of birth	January First Nineteen Seventy-Seven
Place of birth	First District
Father and Nationality:	Hoang Van Quang,Vietnam
Mother and Nationality:	Manh Thi Thanh,Vietnam
Marriage License	Yes

Certified copy
Ho Chi Minh City,1-17-1977
Civil Records Officer,
Nguyen Nong
(signature & seal)

CERTIFIED TRUE TRANSLATION FROM AN ORIGINAL IN VIETNAMESE BY NHAN THANH NGUYEN,
TRANSLATOR


NHAN THANH NGUYEN

SWORN TO AND SUBSCRIBED BEFORE ME

THIS 10 DAY OF Feb, 1986.


NOTARY PUBLIC

PHỐ HỒ CHÍ MINH

BAN NHÂN DÂN

Xã **Bình Thạnh**

IV: 93422

BẢN SAO KHAI-SANH

Số hiệu:

Năm

1977

Lập ngày 7 tháng 1 năm 1977

Họ tên	HOANG THI TO ANH
Trai hay gái	Gái
Ngày, tháng, năm sanh	Ngày một, tháng một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bảy
Nơi sanh	Quận Thủ Đức
Họ tên, quốc tịch cha	Hoàng Văn Quảng .VN
Họ tên, quốc tịch mẹ	Mạnh Thị Thanh.VN
Cha mẹ có hôn thú không	/// Có hôn thú.

SAO LỤC

PHỐ HỒ CHÍ MINH, ngày 17 tháng 1 năm 1977

ỦY VIÊN HỘ TỊCH

NGUYỄN NÔNG



MR. HOA NGUYEN



Released
3/88

FIRST CLASS

TO: KHUC MINH THO

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSO.

PO BOX 5435

ALINGTON, VA 222050635

USA

MAY 12 1981

FIRST CLASS